

Vinh, ngày 31 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2010

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007
của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là VSC) là Công ty Cổ phần do Ngân hàng TMCP Bắc Á cùng với các cổ đông khác sáng lập. Công ty ra đời với mục đích cung cấp các sản phẩm dịch vụ về chứng khoán và kinh doanh chứng khoán. Đối tượng phục vụ là các nhà đầu tư cá nhân, các tổ chức trong nước và nước ngoài.

Ngày 23/10/2006 Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024.

Ngày 27/10/2006 Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chính thức cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 19/UBCK-GPHĐKD.

Ngày 23/01/2007 Công ty được Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh Cấp Quyết định công nhận thành viên số 23/QĐ-TTGDHCM.

Ngày 21/12/2006 Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp Quyết định công nhận thành viên số: 113/QĐ-TTGDHN.

Ngày 25/12/2006 Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Quyết định công nhận thành viên số 28/GCNTVLK.

Cũng trong thời gian này, công ty cũng được các Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam, Tổ chức Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, ... công nhận là thành viên chính thức.

2. Thông tin về công ty :

- Tên công ty: Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Việt
- Địa chỉ: Tầng 03, số 117 Đường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
- Vốn điều lệ ban đầu của công ty: 9.750.000.000,đồng. (Chín tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng)
- Vốn điều lệ điều chỉnh tăng lần 1, được UBCKNN cấp Quyết định số 210/UBCK_GP ngày 16 tháng 03 năm 2009 : 37.500.000.000 đồng (Ba mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng)
- Tel: 038 3581777 - 3581787 - 3537606. Fax: 0383 588271.
- Email: vsc.viet@gmail.com Website: www.viseco.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024, do Sở kế hoạch Đầu tư Nghệ An cấp ngày 23/10/2006.
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 19/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/10/2006.
- Thành viên của Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số: 113/QĐ-TTGDHN ngày 25/12/2006,
- Thành viên của Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - Nay là Sở GDCKHCM - theo Quyết định số 23/QĐ – TTGDHCM ngày 23/01/2007.
- Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (mã thành viên: 023).
- Hội viên Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
 - + Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.



3. Các sự kiện lớn tác động đến hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2010:

Năm 2009 – 2010, kinh tế thế giới chính thức bị suy thoái. Một loạt các Ngân hàng, các tập đoàn tài chính lớn phải tuyên bố phá sản hàng loạt, mà đại diện tiêu biểu là Bank of America, Lerman Brother ...

Nhật báo Bru điện Washington (Washington Post) đưa tin cho biết năm 2010 có tổng số 157 ngân hàng Mỹ tuyên bố phá sản, nhiều hơn so với năm 2009. Đây là số lượng nhiều nhất kể từ năm 1992 khi cuộc khủng hoảng nợ và tiết kiệm bùng phát.

Theo Tập đoàn Bảo hiểm tiền gửi liên bang (FDIC), cơ quan chịu trách nhiệm bảo lãnh tiền gửi ngân hàng được thực hiện tại Mỹ, tính tới ngày 30/9/2010, số lượng các ngân hàng gặp những vấn đề khó khăn có thể "đe dọa tới các hoạt động tài chính" đã lên tới 860, cũng là mức cao nhất kể từ năm 1993. Dựa trên các số liệu thống kê trước đó, khoảng 1/5 các ngân hàng thuộc danh sách theo dõi của FDIC sẽ đi đến phá sản.

Theo các chuyên gia phân tích, mặc dù nền kinh tế đã dần phục hồi song năm 2010 vẫn sẽ là một năm ghi dấu đỉnh điểm của sự phá sản đối với các ngân hàng tại Mỹ.

Việc thị trường bất động sản sụp đổ đã dẫn đến các khoản vay thế chấp tăng mạnh, bắt đầu từ năm 2009, và từ đây đẩy ngành ngân hàng Mỹ tới xu hướng bùng phát phá sản. Trong năm 2009, cả nước Mỹ có tất cả 140 ngân hàng tuyên bố phá sản, lập kỷ lục cao nhất kể từ năm 1992. Trước đó, năm 2008 có 25 ngân hàng phá sản, năm 2007 là 3 ngân hàng.

Tồn thất khoản vay thương mại, bất động sản đang tăng dần cũng đã khiến các ngân hàng Mỹ có tốc độ phá sản nhanh chóng. Trong đó, ngành ngân hàng ở các bang Florida, Georgia và Illinios chịu tác động nghiêm trọng nhất.

Tình hình an ninh lương thực cũng đang bị đe dọa nghiêm trọng. Theo số liệu do Liên hợp quốc công bố ngày 16-10-2010 trên thế giới có khoảng 1 tỷ người thiếu ăn. Còn theo FAO số người đói là 925 triệu, 2/3 số người đói tập trung ở bảy quốc gia là Bangladesh, Trung Quốc, Congo, Ethiopia, Ấn Độ, Indonesia và Pakistan. Khu vực có số người đói nhiều nhất là châu Á - Thái Bình Dương với 578 triệu người. Tỷ lệ người đói cao nhất ở khu vực tiểu vùng Sahara châu Phi, chiếm 30% trong năm 2010 (239 triệu).

Cũng theo đánh giá của FAO, giá lương thực leo thang là thủ phạm gây nên nhiều cuộc khủng hoảng chính trị trên thế giới. FAO cảnh báo rằng, sự tăng đột biến giá cả có thể là một mối đe dọa chính trị đối với an ninh lương thực cho người nghèo ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Theo cảnh báo đầu tháng 1 của Olivier de Schutter, chuyên gia Liên hợp quốc về lương thực, đã bắt đầu xuất hiện các dấu hiệu của một cuộc khủng hoảng lương thực trên quy mô toàn cầu giống như năm 2008.

Theo Olivier de Schutter, hiện nay có khoảng 80 quốc gia trên thế giới đang phải đối mặt với tình trạng thiếu lương thực. Những khu vực bị đe dọa nhiều nhất là Bắc và Trung Phi, tiếp đó là châu Á như: Afghanistan, Mông Cổ, Triều Tiên.

Chủ tịch Ngân hàng thế giới (WB) Robert Zoellick khẳng định, sự nghèo đói đang tiềm ẩn nguy cơ gây bất ổn tại 37 quốc gia trên thế giới. Quốc gia bị ảnh hưởng nhiều nhất do giá lương thực leo thang là Ai Cập. Làn sóng biểu tình chống tăng giá đã dẫn đến sự ra đi của Tổng thống Mubarak sau 31 năm cầm quyền. Tại Mozambique, sau khi chính phủ quyết định

tăng giá bánh mì lên 30%, nhiên liệu lên 17%, cũng dẫn đến bạo động bùng nổ làm hàng trăm người bị thương và bị chết, hơn 400 người bị bắt giữ.

Nhà kinh tế học Abdolreza Abbassian của FAO dự báo, trong tương lai gần có thể xảy ra nhiều vụ bạo động vì tăng giá do khan hiếm lương thực ở các nước kém phát triển, nhất là ở châu Phi và Trung Đông vốn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu lương thực, thực phẩm. Mặt khác, tình trạng thiếu lương thực càng trở nên nghiêm trọng hơn đối với các quốc gia phải nhập nhậu lương thực, nhưng lại thiếu ngoại tệ.

Như vậy, có nhiều nguyên nhân dẫn đến nguy cơ mất an ninh lương thực, nhưng theo FAO thì biến đổi khí hậu là nguyên nhân chính làm sản lượng lương thực giảm và kéo theo các hệ lụy khác. Vì thế, các nước cần có giải pháp toàn diện để bảo đảm an ninh lương thực, trong đó xây dựng chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu cần được đặc biệt quan tâm.

Vấn đề về tình trạng thất nghiệp cũng đang diễn ra căng thẳng. Theo số liệu thống kê của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), mặc dù nhiều nước đã đạt tốc độ phục hồi tăng trưởng mạnh mẽ, song số người thất nghiệp chính thức trên toàn thế giới vẫn đứng ở con số 205 triệu người, không cải thiện so với số liệu công bố năm 2009, thậm chí còn cao hơn 27,6 triệu người so với thời kỳ tiền khủng hoảng kinh tế thế giới năm 2007.

ILO dự báo tỷ lệ thất nghiệp trên toàn thế giới đến năm 2011 là 6,1% (khoảng 203,3 triệu người) và theo thống kê từ năm 2007, hơn một nửa số người thất nghiệp là thuộc các nước công nghiệp phát triển và Liên minh châu Âu. ILO cho biết ngoài số người thất nghiệp chính thức, thế giới còn khoảng 1,53 tỷ người đứng trước nguy cơ thất nghiệp do đang phải làm những công việc không ổn định như làm việc thời vụ hoặc tạm thời. Số thanh niên không có việc trong năm 2010 cũng tăng lên 78 triệu người, cao hơn so với mức 73,5 triệu người của thời kỳ tiền khủng hoảng. Trong khi đó, tại các nước đang phát triển như Braxin, Cadăcxtan và Thái Lan, tỷ lệ thất nghiệp trong năm 2010 lại giảm xuống thấp hơn so với thời kỳ tiền khủng hoảng.

Tổng Giám đốc ILO Hoan Xômavia (Juan Somavia), khẳng định lực lượng lao động phục hồi yếu kém sẽ làm gia tăng nguy cơ mất ổn định của nền kinh tế thế giới nhằm đảm bảo tương lai cho thế hệ thanh niên, đồng thời làm suy yếu sự liên kết giữa gia đình và xã hội, cũng như lòng tin đối với các chính sách quốc gia.

Tình hình An ninh toàn cầu đang bị đe dọa nghiêm trọng. Các chương trình chạy đua vũ trang nâng cao năng lực quân sự. Các chương trình phát triển vũ khí hạt nhân đang được triển khai một cách rộng rãi trên toàn thế giới. Các cuộc chiến tranh do Mỹ và NATO phát động ở một số nước Hồi giáo như Iraq, Apganixtan, Palextin, và gần nhất là cuộc chiến tại Libye vẫn chưa có hồi kết. Mối quan hệ căng thẳng giữa hai miền Bắc và Nam Triều Tiên càng làm tăng thêm tính bất ổn định cho an ninh thế giới. Nguy cơ hình thành một cuộc chiến tranh thế giới mới là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Tất cả những sự kiện trên đã đẩy khủng hoảng kinh tế thế giới đến giai đoạn ngày càng khó kiểm soát.

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2010 đã phải gánh chịu hệ quả từ cuộc khủng hoảng chung này. Hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu của các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán nói riêng và các doanh nghiệp nói chung bị rơi vào bế tắc. Hàng hóa sản xuất ra không thể xuất khẩu được. Nguyên vật liệu và hàng hoá nhập khẩu ngày càng đắt đỏ do chính sách thuế nhập khẩu kết hợp với đồng tiền nội tệ đang bị mất giá. Chi phí lãi tiền vay huy động vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh vượt trên 18%/năm. Dẫn đến giá thành sản phẩm hàng hoá dịch vụ tăng cao, trong khi đời sống của đại đa số người dân đang nghèo đi, mức sống đang bị giảm thấp dần, thì việc tình hình hàng hoá

tiêu thụ nội địa không được cải thiện được là điều tất yếu. Hệ lụy này đẩy các doanh nghiệp vào trạng thái hoạt động kinh doanh bết tắc dẫn đến tình trạng thua lỗ và có nguy cơ phá sản hàng loạt. Giá chứng khoán trên thị trường niêm yết căn cứ theo các biến cố trên đã sụt giảm thê thảm. Một loạt các cổ phiếu trên các sàn giao dịch chứng khoán của Việt Nam bị đưa vào diện kiểm soát.

Tính đến ngày 9/4, trong tổng số 102 công ty chứng khoán thành viên của HSX và HNX thì có 94 công ty đã công bố kết quả kinh doanh năm 2010. Trong đó, có 24 công ty bị lỗ với tổng mức lỗ trước thuế là 574 tỷ đồng. “Quán quân” lỗ thuộc về Chứng khoán Kim Long (KLS) với 173 tỷ đồng; tiếp đến Chứng khoán Bảo Việt lỗ 93 tỷ, Chứng khoán KIS Việt Nam (tên cũ: CK Gia quyền) lỗ 58 tỷ...Đáng chú ý là số công ty có lỗ lũy kế - chỉ tiêu LNST chưa phân phối âm - lên đến 39 công ty với tổng mức lỗ là 1.794 tỷ đồng. Dẫn đầu Chứng khoán Bảo Việt (BVS) mới mức lỗ 214 tỷ đồng. Năm 2008, BVS lỗ tới 452 tỷ đồng nhưng năm 2009 chỉ “gỡ” lại được 174 tỷ đồng. Năm 2010, công ty này lại lỗ gần 93 tỷ đồng. Nhờ có thặng dư vốn lớn nên vốn chủ sở hữu của BVS vẫn cao, đạt 1.146 tỷ đồng (vốn điều lệ 722 tỷ đồng).

Sáu công ty khác có lỗ lũy kế trên 100 tỷ là Kim Long (-169 tỷ), Hải Phòng (-149 tỷ), Vina (-126 tỷ), Đại Việt (-112 tỷ), KIS Việt Nam (-101 tỷ) và Âu Việt (-100 tỷ). Hầu hết các công ty này đều lỗ trong năm 2008 và 2010. Cá biệt như Vina và KIS đã lỗ 3 năm liên tiếp. Rất nhiều công ty chứng khoán có lỗ lũy kế chủ yếu là do “di sản” của năm 2008 – một năm có thể nói là ác mộng với phần lớn CTCK.

Thua lỗ kéo dài đã khiến cho vốn chủ sở hữu của nhiều CTCK còn lại rất ít. Như chứng khoán Tâm Nhìn có vốn điều lệ 45 tỷ đồng nhưng trải qua 4 năm lỗ liên tiếp thì vốn chủ sở hữu còn 8,8 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu của Chứng khoán Vina, Chứng khoán Hà Nội (HSSC), Chứng khoán Cao su cũng chỉ còn 1/3 so với vốn điều lệ.

Dưới đây là danh sách Top 20 CTCK có lỗ lũy kế lớn nhất đến cuối năm 2010 (Theo BCTC kiểm toán của các công ty do Cafef tổng hợp)

CTCK	LỖ LK	Vốn CSH	Vốn ĐL	LNTT 2010	
CK Bảo Việt	BVS	-214.0	1146.0	722.3	-92.7
Kim Long	KLS	-169.0	2314.3	2025.0	-172.8
Hải Phòng	HPC	-149.1	353.8	401.3	-48.7
Vina	VNSC	-126.4	58.8	185.0	-35.4
Đại Việt	DVSC	-112.4	283.6	250.0	8.9
KIS Việt Nam	KIS	-100.8	162.9	263.6	-57.6
Âu Việt	AVS	-100.4	266.7	360.0	0.0
Thành Công	TCSC	-75.7	284.3	360.0	-9.7
CK BIDV	BSC	-69.3	766.7	700.0	11.4
Nam An	NASC	-64.6	75.4	140.0	-6.1
Phương Đông	ORS	-61.1	229.9	240.0	28.3
EuroCapital	ECC	-48.9	102.0	150.0	1.7
Sen Vàng	GLS	-43.6	91.4	135.0	-12.2
Tâm nhìn	HRS	-36.2	8.8	45.0	-12.7
CK Seabank	Seabs	-35.4	167.5	200.0	12.8
Hà Nội	HSSC	-34.4	15.7	50.0	-6.0
CK An Bình	ABS	-33.4	369.6	397.0	37.0
Chợ lớn	CLS	-32.9	73.9	90.0	-5.5
Quốc gia	NSI	-29.9	20.8	50.0	0.1
Thú đô	CSC	-27.4	48.4	75.7	-2.3

T K 11

4. Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty năm 2010:

Trong bối cảnh tình hình chung như vậy, Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt -VSC đã nắm bắt sớm được tình hình. Bằng ý thức, sự nỗ lực của từng cá nhân, từng bộ phận và quan trọng nhất là đường lối chủ trương đúng đắn của HĐQT và ban lãnh đạo công ty. VSC đã từng bước khắc phục khó khăn, linh hoạt trong việc điều chỉnh các hoạt động kinh doanh nhằm mục đích giảm thiểu rủi ro. Tạm ngừng kế hoạch triển khai mới các Chi nhánh, phòng giao dịch; giảm thiểu các khoản mục chi phí trong năm như Chi phí Quản cáo tiếp thị, Chi phí đầu tư nâng cấp thiết bị và các chi phí khác chưa thực sự cần thiết trong ngắn hạn. Do đó, kết thúc năm tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh của VSC đã đạt được chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 mà Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông công ty năm 2009 của VSC đã đề ra .

4.1 Các chỉ tiêu cơ bản phản ánh tại Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010:

- Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán: 3.956.192.623 đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 2.463.845.052 đồng.
- Tỷ lệ vốn khả dụng trên tổng nợ điều chỉnh: 10.191
- Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán: 183.573.624 đồng.
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: 946.451.131 đồng.

4.2 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2009
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	5,61	2,52
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	94,39	97,48
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	10,09	18,00
<i>Nợ phải trả/Tổng tài sản</i>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	9,26	5,41
<i>Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	9,26	5,41
<i>(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	8,28	4,69
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i>			
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	31,09	39,75
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	5,00	5,58
<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn Điều lệ	%	5,91	7,22
<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ</i>			

5. Định hướng phát triển

Chính phủ của các nước trên thế giới đã có những kế hoạch cụ thể để kích thích và vực dậy nền kinh tế hiện đang bị suy thoái. Tuy nhiên trên thực tế, tình hình kinh tế thế giới năm 2011 sẽ còn gặp nhiều khó khăn hơn năm 2010. Khi các biện pháp kích cầu trên thế giới đồng loạt phát huy tác dụng, sự ứng xử của chính phủ các nước không đồng bộ và kịp thời sẽ dễ dàng đẩy nền kinh tế đi từ suy thoái đến lạm phát và ngược lại là điều hoàn toàn có thể xảy ra.

Dự báo trong năm 2011, tác động của suy thoái kinh tế thế giới sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến Việt Nam. Buộc chúng ta phải đương đầu với những khó khăn và thách thức mới. Mặc dù năm 2010, Việt Nam đã duy trì được mức tăng trưởng kinh tế hợp lý, khi GDP đạt 6,78%. Lạm phát đã được kiềm chế, tháng 12 năm 2010, Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2010 tăng 9,19% so với bình quân năm 2009. cao hơn mục tiêu được Quốc hội điều chỉnh là 8%. Tình hình đầu tư nước ngoài vào Việt Nam vẫn thu hút được nguồn vốn lớn. Theo công bố của Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đạt 18,6 tỷ USD, bằng 82,2% cùng kỳ năm 2009, bao gồm: Vốn đăng ký của 969 dự án được cấp phép mới đạt 17,2 tỷ USD (Giảm 16,1% về số dự án; tăng 2,5% về số vốn so với năm trước); vốn đăng ký bổ sung của 269 lượt dự án được cấp phép từ các năm trước với 1,4 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2010 ước tính đạt 11 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2009, trong đó giá trị giải ngân của các nhà đầu tư nước ngoài đạt 8 tỷ USD.

Trước bối cảnh kinh tế thế giới đầy khó khăn, thị trường chứng khoán thế giới biến động mạnh mẽ, TTCK Việt Nam trong năm 2010 cũng không tránh khỏi bức tranh âm ảm: chỉ số Index trên thị trường toàn thị trường sụt giảm mạnh, các cổ phiếu niêm yết phần lớn đều rơi xuống dưới mức giá trị sổ sách, tính thanh khoản trên thị trường ngày một giảm sút nghiêm trọng... Tuy nhiên, trong khó khăn vẫn luôn tiềm ẩn những cơ hội, TTCK Việt Nam có thể diễn biến tích cực khi kinh tế vĩ mô được dự báo có khả năng hồi phục vào 6 tháng cuối năm 2011.

Diễn biến của Thị trường chứng khoán luôn gắn liền với tâm lý của nhà đầu tư. Tuy nhiên theo cách đánh giá rất lạc quan từ phía các nhà đầu tư, từ năm 2009 - 2010 là năm TTCK Việt Nam đã trải qua thời kỳ thặng trầm nhất, đây là thời kỳ tâm lý nhà đầu tư bị rơi và tình trạng khủng hoảng khi các chỉ số VN Index và HNX Index liên tục dò tìm đáy mới. Tuy nhiên, đây có thể chính là cơ hội để TTCK VN sớm hồi phục, khi tâm lý nhà đầu tư đã vượt qua khủng hoảng và chuyển sang trạng thái hưng phấn với nhiều kỳ vọng mới. Đây chính là yếu tố then chốt để thúc đẩy thị trường chứng khoán hồi phục mạnh mẽ hơn trong năm 2011.

Mục tiêu của Công ty Cổ phần chứng khoán Việt trong thời kỳ này là kiện toàn lại bộ máy tổ chức nhân sự; sắp xếp và đào tạo lại nhân sự nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn; xác định lại định hướng phát triển kinh doanh với mục tiêu chính là Nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư trên địa bàn có mở rộng, chủ động tạo ra một đội ngũ khách hàng tiềm năng, chờ đợi các thông tin hỗ trợ tích cực của thị trường, tiến hành phân tích tư vấn đầu tư giúp nhà đầu tư đạt được hiệu quả đầu tư cao nhất, với phương châm “Thành công của nhà đầu tư là thành công của chính công ty”.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010 của công ty:

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 2.463.845.052 đồng.
- Tỷ lệ vốn khả dụng trên tổng nợ điều chỉnh: 10.191
- Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán: 183.573.624 đồng.
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: 946.451.131 đồng.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

- Kết thúc năm hoạt động 2010, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Được thể hiện đầy đủ và chi tiết tại phần báo cáo tài chính của bản báo cáo này.
- Năm 2010, Lợi nhuận của công ty đạt gần 100% so với kế hoạch đã đề ra tại Nghị quyết ĐHĐCĐ công ty năm 2009.

3. Trong năm, công ty không có các thay đổi trọng yếu đối với những khoản đầu tư lớn. Trong bối cảnh tình hình chung của toàn thị trường chưa có các thông tin hỗ trợ, Công ty quyết định giữ nguyên chiến lược kinh doanh, thận trọng và chắc chắn trong từng quyết sách của mình. Từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ cho các sản phẩm đã triển khai. Chủ động trong việc nghiên cứu tìm kiếm và phát triển thị trường mới nhằm mục đích tăng thêm nhiều nguồn thu nhập cho công ty trong tương lai.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Thái Thị Nga	Chủ tịch
Bà Thái Hương	Phó chủ tịch
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Thái Nguyên	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 17, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

Đặng Thái Nguyên

Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
SỐ. /BCKT 2011/ACA

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính từ trang 3 đến trang 17. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI
CHÍNH (ACAGroup)
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston
International
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Hoàng Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số
1106/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B01 - CTCK

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+150)	100		41.070.845.324	47.281.631.575
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	37.087.023.347	41.043.021.695
1. Tiền	111		312.199.892	277.825.369
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.774.823.455	40.765.196.326
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.493.261.916	5.955.049.819
2. Trả trước cho người bán	132		100.000.000	165.389.500
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		2.292.560.000	4.764.379.019
5. Các khoản phải thu khác	138	7	1.100.701.916	1.025.281.300
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		490.560.061	283.560.061
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	490.560.061	283.560.061
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+260)	200		3.013.924.240	1.564.376.484
II. Tài sản cố định	220		2.495.372.357	1.224.833.740
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	546.206.701	836.090.526
- Nguyên giá	222		1.852.102.203	1.712.411.707
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.305.895.502)	(876.321.181)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	578.467.756	388.743.214
- Nguyên giá	228		809.527.750	538.045.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(231.059.994)	(149.301.786)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.370.697.900	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		518.551.883	339.542.744
1. Chi phí trả trước dài hạn khác	261		73.274.737	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	12	445.277.146	261.703.522
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	77.839.222
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		44.084.769.564	48.846.008.059



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B01 - CTCK

ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.307.973.184	8.898.826.691
I. Nợ ngắn hạn	310		4.298.181.649	8.898.826.691
2. Phải trả người bán	312		31.992.428	36.973.786
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	184.579.118	219.837.795
5. Phải trả người lao động	315		174.695.676	260.687.248
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		2.076.859.205	8.239.310.000
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		143.850	73.350
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		102.793.875	1.198.550
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.727.117.497	140.745.962
II. Nợ dài hạn	330		9.791.535	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		9.791.535	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	14	39.776.796.380	39.947.181.368
I. Vốn chủ sở hữu	410		39.776.796.380	39.947.181.368
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		37.500.000.000	37.500.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		251.618.989	140.745.962
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		251.618.989	140.745.962
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		251.618.989	140.745.962
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.521.939.413	2.024.943.482
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		44.084.769.564	48.846.008.059

10/11/2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B01 - CTCK

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
5. Nguồn vốn khấu hao	005		1.536.955.496	1.025.622.967
6. Chứng khoán lưu ký	006		124.280.520.000	72.404.650.000
<i>Trong đó:</i>				
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		119.122.450.000	72.395.150.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		119.122.450.000	72.395.150.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		3.054.930.000	9.500.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		3.054.930.000	9.500.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		1.595.400.000	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		1.595.400.000	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		507.740.000	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		507.740.000	-

Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc
 Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng

11/11/11 06 06 11/11

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B02 - CTCK
 ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu	01	15	7.924.929.136	7.324.192.282
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		3.906.192.623	4.707.818.415
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	41.735.366
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		50.000.000	-
- Doanh thu khác	01.9		3.968.736.513	2.574.638.501
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		7.924.929.136	7.324.192.282
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	4.034.605.614	3.092.281.774
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		3.890.323.522	4.231.910.508
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	1.425.537.882	1.320.486.181
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		2.464.785.640	2.911.424.327
8. Thu nhập khác	31		-	-
9. Chi phí khác	32		940.588	296
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(940.588)	(296)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.463.845.052	2.911.424.031
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	246.384.505	203.799.682
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.217.460.547	2.707.624.349
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	591	1.146

Đặng Thái Nguyên
 Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Hà Nam
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.463.845.052	2.911.424.031
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		511.332.529	488.507.023
- Các khoản dự phòng	03		9.791.535	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.931.604.028)	(2.528.666.834)
- Chi phí lãi vay	06		208.338.001	45.971.667
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(738.296.911)	917.235.887
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.931.327.536	(5.212.849.819)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.218.495.858)	7.227.633.342
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(73.274.737)	71.817.228
- Tiền lãi vay đã trả	13		(208.338.001)	(45.971.667)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(346.348.265)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(284.738.366)	(345.736.819)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.938.164.602)	2.612.128.152
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.576.187.774)	(200.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.558.354.028	2.574.638.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.982.166.254	2.374.638.501
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	27.750.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.000.000.000	10.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.000.000.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	27.750.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.955.998.348)	32.736.766.653
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		41.043.021.695	8.306.255.042
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5	37.087.023.347	41.043.021.695

Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY:

Hình thức sở hữu vốn:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy phép thành lập số 2703001024 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 23/10/2006 và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27/10/2006. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 37.500.000.000 đồng, tổng số cổ phiếu là 3.750.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

- Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, số 117, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Tổng số nhân viên trong Công ty tại ngày 31/12/2010 là 14 người (tại ngày 31/12/2009 là 18 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ THỰC HIỆN CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 95/2008/ TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Kế toán máy.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao.

Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả kinh doanh.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý
Phần mềm máy tính

04 - 06
07

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai, liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Bảng cân đối kế toán.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Bảng cân đối kế toán. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức độ có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	312.199.892	277.825.369
Tiền gửi Ngân hàng	36.774.823.455	40.765.196.326
Cộng	37.087.023.347	41.043.021.695

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
Của người đầu tư - Cổ phiếu	44.849.870	1.152.593.348.000
Cộng	44.849.870	1.152.593.348.000

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền chi khen thưởng cho cán bộ nhân viên	693.951.960	763.974.000
Phải thu khác	406.749.956	261.307.300
Cộng	1.100.701.916	1.025.281.300

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	490.560.061	283.560.061
Cộng	490.560.061	283.560.061

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			

Số dư tại 31/12/2009	117.863.381	1.594.548.326	1.712.411.707
Tăng trong năm	-	139.690.496	139.690.496
Mua trong năm	-	139.690.496	139.690.496
Số dư tại 31/12/2010	<u>117.863.381</u>	<u>1.734.238.822</u>	<u>1.852.102.203</u>

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 31/12/2009	68.753.638	807.567.543	876.321.181
Tăng trong năm	29.465.845	400.108.476	429.574.321
Khấu hao trong năm	29.465.845	400.108.476	429.574.321
Số dư tại 31/12/2010	<u>98.219.483</u>	<u>1.207.676.019</u>	<u>1.305.895.502</u>

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại 31/12/2009	<u>49.109.743</u>	<u>786.980.783</u>	<u>836.090.526</u>
Tại 31/12/2010	<u>19.643.898</u>	<u>526.562.803</u>	<u>546.206.701</u>

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 31/12/2009	538.045.000	538.045.000
Tăng trong năm	271.482.750	271.482.750
Mua trong năm	271.482.750	271.482.750
Số dư tại 31/12/2010	<u>809.527.750</u>	<u>809.527.750</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 31/12/2009	149.301.786	149.301.786
Tăng trong năm	81.758.208	81.758.208
Khấu hao trong năm	81.758.208	81.758.208
Số dư tại 31/12/2010	<u>231.059.994</u>	<u>231.059.994</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 31/12/2009	<u>388.743.214</u>	<u>388.743.214</u>
Tại 31/12/2010	<u>578.467.756</u>	<u>578.467.756</u>

11. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Mua sắm tài sản cố định Chi nhánh Hà Nội	1.370.697.900	-
Cộng	<u>1.370.697.900</u>	<u>-</u>

12. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

31/12/2010	31/12/2009
------------	------------

	VND	VND
Quỹ hỗ trợ thanh toán	445.277.146	261.703.522
Cộng	445.277.146	261.703.522

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.835.922	203.799.682
Thuế thu nhập cá nhân	76.853.026	16.038.113
Thuế khác	3.890.170	-
Cộng	184.579.118	219.837.795

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/20010 VND	31/12/2009 VND
I - Vốn góp ban đầu	37.500.000.000	37.500.000.000
Vốn góp cổ phần	37.500.000.000	37.500.000.000
Trong đó:		
- Số lượng cổ phiếu phát hành	3.750.000	3.750.000
- Mệnh giá cổ phiếu phát hành	10.000	10.000
II. Vốn bổ sung	251.618.989	140.745.962
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh	251.618.989	140.745.962
III - Các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.025.177.391	2.306.435.406
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	1.521.939.413	2.024.943.482
- Quỹ dự phòng tài chính	251.618.989	140.745.962
- Quỹ đầu tư phát triển	251.618.989	140.745.962
Cộng	39.776.796.380	39.947.181.368

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Số dư đầu năm	2.024.943.482	(141.155.999)
Tăng trong năm	2.217.460.547	2.707.624.349
Lãi	2.217.460.547	2.707.624.349
Giảm trong năm	2.720.464.616	541.524.868
Phân phối lợi nhuận	2.720.464.616	541.524.868
Dư cuối năm	1.521.939.413	2.024.943.482

CHI TIẾT CỔ ĐÔNG GÓP VỐN

	31/12/2010		
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	VND
Tổ chức			
Ngân hàng TMCP Bắc Á	400.000	10,67%	4.000.000.000
Cá nhân			
Thái Thị Nga	400.000	10,67%	4.000.000.000
Thái Hương	400.000	10,67%	4.000.000.000
Đặng Thái Nguyên	400.000	10,67%	4.000.000.000
Thái Doãn Sơn	400.000	10,67%	4.000.000.000
Trương Thị Kim Thư	400.000	10,67%	4.000.000.000
Hồ Thị Vinh	400.000	10,67%	4.000.000.000
Nguyễn Hà Nam	200.000	5,33%	2.000.000.000
Nguyễn Trọng Trung	320.000	8,53%	3.200.000.000
Thái Thị Lương	280.000	7,46%	2.800.000.000
Thái Doãn Lộc	100.000	2,66%	1.000.000.000
Trần Thanh Tùng	50.000	1,33%	500.000.000
Cộng	3.750.000	100%	37.500.000.000

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

	31/12/2010 Tỷ lệ (%)	Số CMTND/ Số ĐKKD	Địa chỉ
Tổ chức			
Ngân hàng TMCP Bắc Á	10,67%	063629	Số 117, Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An
Cá nhân			
Thái Thị Nga	10,67%	182218203	Khối Tân Yên, P.Hung Bình, TP. Vinh, Nghệ An
Thái Hương	10,67%	186086406	102, Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, Nghệ An
Đặng Thái Nguyên	10,67%	183025343	Thị trấn Nghi Xuân, Nghi Xuân, Hà Tĩnh
Thái Doãn Sơn	10,67%	182109112	Hòa Sơn, Đô Lương, Nghệ An
Trương Thị Kim Thư	10,67%	182018635	Khối 17, P.Quán Bàu, TP. Vinh, Nghệ An
Hồ Thị Vinh	10,67%	182020150	P303-A5 P.Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An
Nguyễn Hà Nam	5,33%	181628804	Khối 15, P.Hà Huy Tập, TP. Vinh, Nghệ An
Nguyễn Trọng Trung	8,53%	181519338	Khối Tân Yên, P.Hung Bình, TP. Vinh, Nghệ An
Thái Thị Lương	7,46%	161541592	Khối 14, P.Hung Phúc, TP.

Thái Doãn Lộc	2,66%	182381981	Vinh, Nghệ An Hòa Sơn, Đô Lương, Nghệ An
Cộng	<u>98,67%</u>		

15. DOANH THU

	<u>Năm 2010</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2009</u> <u>VND</u>
Doanh thu môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	3.906.192.623	4.707.818.415
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	41.735.366
Doanh thu hoạt động tư vấn	50.000.000	-
Doanh thu khác	3.968.736.513	2.574.638.501
Cộng	<u>7.924.929.136</u>	<u>7.324.192.282</u>

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<u>Năm 2010</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2009</u> <u>VND</u>
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	4.034.605.614	3.092.281.774
Cộng	<u>4.034.605.614</u>	<u>3.092.281.774</u>

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2010</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2009</u> <u>VND</u>
Chi phí nhân viên	771.640.315	747.030.161
Chi phí vật liệu	27.336.350	33.184.100
Chi phí công cụ dụng cụ	2.162.667	34.513.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.003.781	49.552.701
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	2.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	285.802.298	280.400.739
Chi phí khác	296.592.471	173.805.130
Cộng	<u>1.425.537.882</u>	<u>1.320.486.181</u>

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm 2010</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2009</u> <u>VND</u>
--	-------------------------------	-------------------------------

Lợi nhuận trước thuế	2.463.845.052	2.911.424.031
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	2.463.845.052	2.911.424.031
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	492.769.010	582.284.806
Thuế thu nhập doanh nghiệp miễn giảm (*)	246.385.505	291.142.403
Thuế TNDN giảm (**)	-	87.342.721
Tổng cộng thuế thu nhập doanh nghiệp	246.385.505	203.799.682

(*) Căn cứ vào Thông tư 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán và nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật đầu tư, Công ty được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty có thu nhập chịu thuế năm 2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo.

(**) Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Công ty có đủ điều kiện để giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. CỔ PHIẾU VÀ LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

19.1 Cổ phiếu

	31/12/2010	31/12/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.750.000	3.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.750.000	3.750.000
Cổ phiếu phổ thông	3.750.000	3.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.750.000	3.750.000
Cổ phiếu phổ thông	3.750.000	3.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

19.2 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.217.460.547	2.707.624.349
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ	-	-

cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông	2.217.460.547	2.707.624.349
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.750.000	2.362.674
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	591	1.146

20. BÊN LIÊN QUAN

Thông tin các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Ngân hàng thương mại Cổ phần Bắc Á là cổ đông sáng lập với các nghiệp vụ chủ yếu sau:

	<u>Giá trị giao dịch VND</u>
Thuê văn phòng	480.000.000
Cộng	<u><u>480.000.000</u></u>

21. THÔNG TIN KHÁC

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	5,61	2,52
Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	94,39	97,48
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	10,09	18,00
<i>Nợ phải trả/Tổng tài sản</i>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	9,26	5,41
<i>Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	9,26	5,41
<i>(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	8,28	4,69
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i>			
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	31,09	39,75
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	5,00	5,58
<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn Điều lệ	%	5,91	7,22
<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ</i>			

22. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính (ACA Group).

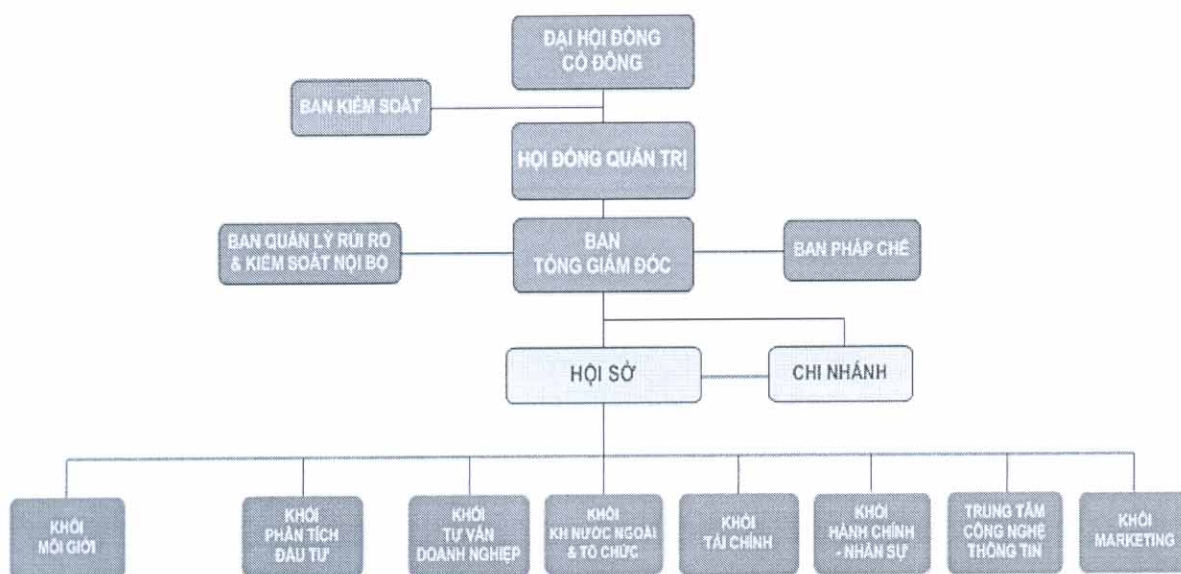
Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 26 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Hà Nam
Kế toán trưởng

VII. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ TÌNH HÌNH NHÂN SỰ:

- SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



- QUYỀN LỢI CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cơ cấu thành phần Ban Tổng giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc công ty gồm có 2 nhân sự: Tổng Giám đốc phụ trách chung; Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối hành chính và nhân sự.

Tiền lương: Chế độ tiền lương của Ban Giám đốc được hưởng dựa trên cơ sở các điều khoản về chế độ của ban Tổng giám đốc quy định tại điều lệ của công ty; Các hợp đồng lao động đã ký kết giữa Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty với từng thành viên trong ban Giám đốc tham gia ký hợp đồng lao động là cơ sở để xây dựng thang lương cho ban Tổng giám đốc.

Thưởng của Ban giám đốc và các quyền lợi khác của Ban giám đốc: Chế độ khen thưởng và các quyền lợi khác của Ban giám đốc được quy định cụ thể chi tiết tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của công ty cho từng chức danh cụ thể (tham khảo tại website : www.viseco.vn).

- SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số nhân viên: Tổng toàn bộ số cán bộ nhân viên trong công ty là 14 lao động. Trong đó, có 8 người đã được cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

Toàn bộ các cán bộ nhân viên trong công ty đều được ký kết hợp đồng lao động, hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, và các chế độ khác theo quy định của luật lao động. Chế độ về các ngày nghỉ lễ, nghỉ tết trong năm được hưởng theo đúng quy định của nhà nước. Hàng năm, công ty có chế độ đi du lịch và nghỉ mát định kỳ, nhằm mang đến cho người lao động trong toàn đơn vị tinh thần thoải mái và sức khoẻ tốt. (Chi tiết, tham khảo tại website: www.viseco.vn).

TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

LÝ LỊCH TÓM TẮT CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1. Họ và tên: **Thái Thị Nga** Nữ
2. Sinh ngày: 29 tháng 4 năm 1971
3. Nơi sinh: Xã Hoà Sơn – Huyện Đô Lương – tỉnh Nghệ An
4. CMTND: 182218203 do Công an Nghệ An cấp ngày 04/10/1996
5. Quốc tịch: Việt nam Tôn giáo: Không
6. Địa chỉ thường trú: Khối Tân Yên – Phường Hưng Bình – TP Vinh – tỉnh Nghệ An
Điện thoại: 038 837981 - Fax: 038 841757 - Email:
7. Trình độ chuyên môn: Đại học Thương mại
8. Các nghề nghiệp, chức vụ đã qua:
 - Cán bộ kế toán Ngân hàng TMCPM Bắc Á.
 - Phó trưởng phòng tín dụng Ngân hàng TMCP Bắc Á
 - Phó giám đốc Công ty Cổ phần Vạn Niên.
9. Khen thưởng: Không
10. Kỷ luật: Không
11. Chức vụ trong Công ty Chứng khoán: Chủ tịch Hội đồng quản trị
12. Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng, Thương mại và Dịch vụ Vạn Niên
13. Quan hệ cha, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị, em ruột:

- **Me:** Nguyễn Thị Loan Sinh năm: 1933
Số CMTND: 180 796 200 do Công an Nghệ Tĩnh cấp ngày 26/03/1979
Địa chỉ: Xã Hoà Sơn – Huyện Đô Lương – Tỉnh Nghệ An
Nơi công tác: Nội trợ
- **Chồng:** Nguyễn Trọng Trung Sinh năm: 1967
Số CMTND: 181519338 Công an Nghệ An cấp ngày 25/6/2002
Địa chỉ: Khối Tân Yên – P. Hưng Bình – Tp Vinh – tỉnh Nghệ An
Nơi công tác: Công ty Cổ phần Vạn Niên
- **Con:** Nguyễn Trọng Chính Sinh năm: 1995
Địa chỉ: Khối Tân Yên – P. Hưng Bình – Tp Vinh – tỉnh Nghệ An
Nơi công tác: Học sinh trường tiểu học Quang Trung – TP Vinh – Nghệ An
- **Con:** Nguyễn Thái Bảo Trâm Sinh năm: 2004
Địa chỉ: Khối Tân Yên – P. Hưng Bình – Tp Vinh – tỉnh Nghệ An
- **Chị:** Thái Thị Lan Sinh năm: 1956
Số CMTND: 181 595 131
Địa chỉ: Khối 1 – Phường Lê Lợi – TP Vinh – Nghệ An
Nơi công tác: Nội trợ
- **Chị:** Thái Thị Hương Sinh năm: 1958
Số CMND: 186 086 406 do Công an Nghệ An cấp ngày 22/10/2001
Địa chỉ: 102 - Nguyễn Thị Minh Khai - P.Hưng Bình - TP Vinh - Nghệ An
Nơi công tác: Ngân hàng TMCP Bắc Á
- **Chị:** Thái Thị Lương Sinh năm: 1962
Số CMTND:161 541 592 do Công an Hà Nam Ninh cấp ngày 01/07/1983
Địa chỉ: Khối 14 Phường Hưng Bình – TP Vinh – Nghệ An
Nơi công tác: Ngân hàng TMCP Bắc Á
- **Chị:** Thái Thị Dương Sinh năm: 1964
Số CMTND: 181 739 687 do Công an Nghệ Tĩnh cấp ngày 19/08/1987
Địa chỉ: Khối 5 – Phường Cửa Nam – TP Vinh – Nghệ An

Nơi công tác: Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An

- **Em:** Thái Thị Thanh Bình Sinh năm: 1975
Số CMTND: 182 060 472 do Công an Nghệ An cấp ngày 22/03/1994
Địa chỉ: Số 766 Láng Thượng – Hà nội
Nơi công tác: Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hà nội

LÝ LỊCH TÓM TẮT - TỔNG GIÁM ĐỐC:

14. Họ và tên: Đặng Thái Nguyên Giới tính: Nam
15. Sinh ngày: 28 tháng 4 năm 1974
16. Nơi sinh: Xuân Giang – Nghi Xuân – Hà Tĩnh
17. CMTND: 183025343 do Công an Hà Tĩnh cấp ngày 09/7/1993
18. Quốc tịch: Việt nam Tôn giáo: Không
19. Địa chỉ thường trú: Khối 1 – thị trấn Nghi Xuân – huyện Nghi Xuân – tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại: 038 837981 - Fax: 038 841757 - Email: nguyendt74@gmail.com
20. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
21. Các nghề nghiệp, chức vụ đã qua:
 - Cán bộ tín dụng Ngân hàng TMCP Bắc Á.
 - Phó phòng tín dụng Ngân hàng TMCP Bắc Á
 - Trưởng phòng Đầu tư và chứng khoán Ngân hàng TMCP Bắc Á
 - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Bắc á tại Thanh Hoá.
22. Khen thưởng: Không
23. Kỷ luật: Không
24. Chức vụ trong Công ty Chứng khoán: Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
25. Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch Ban đại diện Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam - VFMVF4.
26. Quan hệ cha, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị, em ruột:
 - **Cha:** Đặng Thái Hoà Sinh năm 1945
Số CMND: 100048224 do Công an Nghệ Tĩnh cấp ngày 24 /2/1978
Địa chỉ: Khối 1 thị trấn Nghi Xuân – huyện Nghi Xuân – tỉnh Hà Tĩnh
Nơi công tác: Đã nghỉ hưu
 - **Me:** Phạm Thị Liên Sinh năm 1949
Số CMND: 183190973 do Công an Hà Tĩnh cấp ngày 08/01/1998

Địa chỉ: Khối 1- thị trấn Nghi Xuân – huyện Nghi Xuân – tỉnh Hà Tĩnh

Nơi công tác: Đã nghỉ hưu

- **Em:** Đặng Thái Tình Sinh năm: 1977
Số CMND:193091537do Công an Hà Tĩnh cấp ngày 24/ 8/1993
Địa chỉ: Khối 1 Thị trấn Nghi Xuân - Hà Tĩnh
Nơi công tác: Trường THCS Phổ Hải – Nghi Xuân – Hà Tĩnh
- **Em:** Đặng Thị Tuyết Sinh năm: 1982
Số CMND:183190960 do Công an Hà Tĩnh cấp ngày 8/ 1/1998
Địa chỉ: Khối 1 Thị trấn Nghi Xuân - Hà Tĩnh
Nơi công tác: Trường TH Kinh tế Hà Tĩnh.

LÝ LỊCH TÓM TẮT - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- 1) Họ và tên: Hoàng Ngọc Hoà Giới tính: Nam
- 2) Ngày, tháng, năm sinh : 20/12/1963
- 3) Nơi Sinh: Xã Đồng Văn - Huyện Thanh Chương - Tỉnh Nghệ An
- 4) Quốc Tịch: Việt Nam
- 5) Số chứng minh nhân dân :180807788 Công An Nghệ An cấp ngày 02/11/2007
- 6) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 14 Phường Hưng phúc Thành Phố Vinh Nghệ An
- 7) Trình độ văn hoá:10/10
- 8) Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- 9) Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
1982-1985	Quân Đội	Xây dựng2	không	không
1995-1998	ĐH Thương mại	Kế toán	không	không

- 10) Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
1985-1988	Quân đội	Thống kê	không	không

1988-1994	CTVL(chất đốt) Nghệ an	Cán bộ	Không	không
1994-1997	NH TMCP Bắc Á	Cán bộ tín dụng	không	không
1997-2004	Khách sạn Kim Thái Sơn	Giám đốc	Không	không

11) Quan hệ thân thân:

Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Chức vụ
Bố: Hoàng Văn Bản	1926	Đông Văn Thanh Chương Nghệ An	làm ruộng	
Mẹ: Lê Thị Nhân	1926	Đông Văn Thanh Chương Nghệ An	làm ruộng	
Vợ: Thái Thị Lương	1964	Khối 14 Phường Hưng Phúc –TP Vinh - NA	phòng ngân Quỹ	
Con: Hoàng Thị Thanh Thủy	1986	Khối 14 Phường Hưng Phúc –TP Vinh - NA	học sinh	
Con: Hoàng Thị Ngọc Huyền	1991	Khối 14 Phường Hưng Phúc –TP Vinh - NA	học sinh	
Con: Hoàng Thị Khánh Linh	2003	Khối 14 Phường Hưng Phúc –TP Vinh - NA	Còn nhỏ	

12) Anh chị em ruột

Anh: Hoàng Văn Nguyễn	1952	Khối 10 Trung đô - TP Vinh Nghệ An	nghỉ hưu	
Chị : Hoàng Thị Hoa	1954	Đông Văn Thanh Chương Nghệ An	Làm ruộng	
Anh : Hoàng Mạnh Hào	1957	198 - Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc	Công an	cán bộ
Chị : Hoàng Thị Hiền	1959	(mất) tai nạn nghề nghiệp		
Em: Hoàng văn Bình	1966	Tỉnh uỷ Gia Lai	Văn phòng	Cán bộ

VIII. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ NĂM 2010

Tổng kết công tác hoạt động kiểm soát nội bộ năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt. Có các đặc điểm sau:

A. VỀ CÁCH THỨC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ.

I. Công tác dự báo và lập kế hoạch kiểm soát hàng năm

1. Bộ phận kiểm soát nội bộ đã tiến hành việc dự báo và lập kế hoạch hàng năm bao gồm:
 - a. Kế hoạch kiểm soát định kỳ và kiểm soát bất kỳ;
 - b. Kế hoạch kiểm soát tài chính, kiểm soát tuân thủ và kiểm soát hoạt động theo mục tiêu trọng tâm từng thời kỳ do Tổng Giám đốc đề ra.
2. Mọi cuộc kiểm soát chỉ được tiến hành dựa trên chương trình kế hoạch kiểm soát hàng năm đã được Tổng Giám đốc phê duyệt và những nhiệm vụ kiểm soát cụ thể do Tổng Giám đốc giao, ngoại trừ những cuộc kiểm soát đột xuất.

II. Công tác tiến hành kiểm soát thường xuyên, định kỳ và bất kỳ

Các hoạt động sau đây được tiến hành kiểm soát thường xuyên và bất kỳ:

1. Kiểm soát công tác hạch toán kế toán, các chế độ thu chi tài chính, các báo cáo tổng hợp và chi tiết do bộ phận Kế toán lập và trình Tổng Giám đốc.
2. Kiểm soát hoạt động giao dịch, kinh doanh của Công ty.
3. Kiểm soát hoạt động mua hàng, cấp phát và sử dụng các yếu tố đầu vào – bao gồm trang thiết bị, dịch vụ, các phần mềm quản lý.
4. Kiểm soát các hoạt động của các bộ phận thuộc khối hỗ trợ trong Công ty như hoạt động của bộ phận hành chính - nhân sự, bộ phận kỹ thuật, v.v...

III. Công tác tiến hành kiểm soát đột xuất

1. Việc kiểm soát đột xuất là việc tiến hành những hoạt động kiểm soát chưa đưa vào chương trình, kế hoạch kiểm soát thường xuyên, định kỳ và bất kỳ trong năm, được tiến hành khẩn cấp trong các trường hợp:
 - a. Theo yêu cầu của Tổng Giám đốc;
 - b. Theo sự phát hiện vấn đề và đề xuất cần kiểm soát của bộ phận kiểm soát nội bộ được Tổng Giám đốc phê duyệt cho phép kiểm soát đột xuất.
2. Các bộ phận là đối tượng kiểm soát đột xuất đã nghiêm túc có trách nhiệm ưu tiên về thời gian, nhân sự và các nguồn lực khác để hợp tác với bộ phận kiểm soát nội bộ hoàn thành việc kiểm soát đột xuất.

IV. Công tác tổ chức thực hiện kiểm soát

1. Bộ phận kiểm soát nội bộ đã tiến hành lập dự thảo thông báo kiểm soát để trình Tổng Giám đốc ban hành quyết định cho từng cuộc kiểm soát. Thông báo kiểm soát sẽ được xác định rõ mục đích, phạm vi, đối tượng, thời hạn kiểm soát và các kiểm soát viên tham gia thực hiện. Những trường hợp cần điều chỉnh hay bổ sung những nội dung trên đều có văn bản đề nghị của Bộ phận kiểm soát nội bộ và Tổng Giám đốc duyệt trước khi gửi cho đối tượng kiểm soát cũng như các bộ phận có liên quan.
2. Trình tự tiến hành một cuộc kiểm soát nội bộ:
 - a. Công tác chuẩn bị kiểm soát: đã chuẩn bị tốt công tác chuẩn bị trước khi đến đối tượng kiểm soát, bao gồm xác định mục đích và phạm vi kiểm soát, tìm hiểu ban đầu về các báo cáo do đối tượng kiểm soát đã trình, tổ chức nhân sự kiểm soát, lập kế hoạch sơ khởi và ra thông báo kiểm soát.
 - b. Thực hiện kiểm soát: công việc đã được tiến hành tại những nơi diễn ra hoạt động của đối tượng kiểm soát để thu thập bằng chứng làm cơ sở cho kết luận kiểm soát, bao gồm việc khảo sát cơ bản về đối tượng kiểm soát, tìm hiểu và đánh giá đối tượng kiểm soát, tìm hiểu và



đánh giá các công việc, sự việc đã nêu và chưa nêu trong báo cáo của đối tượng kiểm soát, tiến hành các thử nghiệm mở rộng và xử lý các phát hiện kiểm soát. Việc xử lý các vấn đề được phát hiện trong quá trình kiểm soát đã nêu rõ thực trạng, đối chiếu với các tiêu chuẩn, đánh giá hậu quả, phân tích nguyên nhân và đề xuất các kiến nghị hoặc cách khắc phục thích hợp.

- c. Báo cáo kiểm soát đã trình bày đầy đủ những nội dung cơ bản của quá trình kiểm soát, bao gồm: mục đích và phạm vi kiểm soát; các vấn đề được phát hiện; các kết luận về tính chính xác, trung thực, hợp lý của các báo cáo do đối tượng kiểm soát đã trình và các kiến nghị cần thiết. Báo cáo kiểm soát nội bộ do nhân viên phụ trách kiểm soát nội bộ ký và chịu trách nhiệm. Báo cáo kiểm soát được gửi tới những người có thẩm quyền và có trách nhiệm đọc báo cáo kiểm soát theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc như: đối tượng kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty, Tổng Giám đốc và các bộ phận có thẩm quyền hoặc trách nhiệm với đối tượng kiểm soát. Nhân viên phụ trách kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin có liên quan trong suốt quá trình lập, lưu trữ và phát hành báo cáo kiểm soát đến những nơi được chỉ đạo. Việc công khai hóa các báo cáo kiểm soát cụ thể, thích hợp do Tổng Giám đốc quyết định. Phụ trách bộ phận đối tượng kiểm soát có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với những nội dung được nêu trong báo cáo kiểm soát trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được báo cáo kiểm soát. Văn bản trả lời được gửi tới các cá nhân và đơn vị được gửi báo cáo kiểm soát.
- d. Theo dõi sau kiểm soát: công việc theo dõi những sửa chữa của đối tượng kiểm soát và đánh giá các kết quả của các hoạt động này, bao gồm cả việc phúc tra và ra báo cáo theo dõi sau kiểm soát. Việc xem xét các kiến nghị của Bộ phận kiểm soát nội bộ, lựa chọn và thực hiện các biện pháp sửa chữa thích hợp là trách nhiệm của phụ trách bộ phận đối tượng kiểm soát. Bộ phận kiểm soát nội bộ đã có trách nhiệm theo dõi để ghi nhận các hoạt động sửa chữa và đánh giá kết quả của chúng. Phụ trách bộ phận được kiểm soát và các bộ phận có liên quan xét thấy không cần thiết phải có hoạt động sửa chữa các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm soát đã chủ động xem xét rủi ro xảy ra và chịu trách nhiệm về việc không có những biện pháp sửa chữa thích hợp trong phạm vi trách nhiệm của mình.

B. VỀ CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT NỘI BỘ

I. Biện pháp Kiểm soát tuân thủ các quy định của pháp luật, quy trình nghiệp vụ

- Trong quá trình thực hiện các quy trình nghiệp vụ, với sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau, vì vậy, Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã tiến hành đầy đủ các bước:
 - Kiểm tra hết các quy định của pháp luật liên quan đến các giới hạn hoạt động của Công ty;
 - Tuyệt đối không bỏ qua một hoặc một vài bước trong toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Công ty;
 - Phối hợp đầy đủ với các phòng ban, các cá nhân liên quan đến quy trình nghiệp vụ của Công ty.
- Giải pháp đặt ra để đảm bảo việc tuân thủ đó là:
 - Các quy trình nghiệp vụ của Công ty, trong đó có quy trình quản lý tài sản, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ được sao lưu và phổ biến rộng rãi cho tất cả các cán bộ nhân viên của Công ty, đảm bảo cho toàn bộ nhân viên trong công ty nắm rõ và hiểu đầy đủ các nội dung, các yêu cầu của quá trình đó.
 - Kiểm tra định kỳ, thường xuyên các giấy tờ, hồ sơ liên quan đến các lĩnh vực mà Công ty đã ra quyết định, qua đó nêu những điểm chưa tuân thủ.

II. Biện pháp Kiểm soát tuân thủ về tài liệu, giấy tờ

- Trong quá trình thực hiện các quy trình nghiệp vụ có sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau, vì vậy, bộ phận kiểm soát nội bộ đã tiến hành kiểm soát rủi ro có thể xảy ra trong quá trình này:
 - Kiểm soát việc tuân thủ các biểu mẫu của các giấy tờ, tài liệu;
 - Kiểm soát các thiếu sót về danh mục giấy tờ, tài liệu liên quan đến một nghiệp vụ;

- Kiểm soát các sai sót về nội dung, số liệu trong các giấy tờ, tài liệu liên quan đến một nghiệp vụ.
2. Giải pháp đặt ra để đảm bảo việc tuân thủ đó là:
- Các giải pháp nghiệp vụ của Công ty, trong đó có quy trình quản lý tài sản, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ phải được sao lưu và phổ biến rộng rãi cho tất cả các cán bộ nhân viên của Công ty, đảm bảo nắm rõ và hiểu đầy đủ các nội dung, các yêu cầu của các quy trình đó.
 - Chuẩn hoá các Danh mục tài liệu, các biểu mẫu cả dưới dạng văn bản và điện tử, được lưu giữ tại một cơ sở dữ liệu trung tâm, để đảm bảo cho việc sử dụng được thống nhất.
 - Yêu cầu các phòng ban liên quan phải gửi các hồ sơ giấy tờ liên quan đến các nghiệp vụ của Công ty do bộ phận đó phụ trách cho Bộ phận kiểm soát nội bộ, Ban kiểm soát.
 - Kiểm tra định kỳ thường xuyên các hồ sơ giấy tờ liên quan đến các nghiệp vụ của Công ty, qua đó chỉ ra những điểm chưa tuân thủ.

III. Biện pháp Kiểm soát tuân thủ về thẩm quyền

1. Do trong quá trình thực hiện các quy trình nghiệp vụ có sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau, vì vậy rủi ro có thể xảy ra có thể là:
- Ký sai thẩm quyền ký các giấy tờ, tài liệu;
 - Không tuân thủ các quy định về uỷ quyền, đóng dấu, sao lưu, công chứng, hợp pháp hóa lãnh sự, trong các trường hợp cụ thể mà pháp luật có yêu cầu.
2. Giải pháp đặt ra để đảm bảo việc tuân thủ đó là:
- Các quy trình nghiệp vụ của Công ty, trong đó có quy trình quản lý tài sản, quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ phải được sao lưu và phổ biến rộng rãi cho tất cả các cán bộ nhân viên của Công ty, đảm bảo nắm rõ và hiểu đầy đủ các nội dung, các yêu cầu của các quy trình đó.
 - Người có thẩm quyền sẽ chỉ ký kết khi trong hồ sơ trình ký có đầy đủ các giấy tờ có liên quan đến nghiệp vụ, hoặc chỉ đóng dấu khi đã có chữ ký hợp lệ của người có thẩm quyền.
 - Kiểm tra định kỳ thường xuyên các hồ sơ giấy tờ, liên quan đến các nghiệp vụ, qua đó chỉ ra những điểm chưa tuân thủ.

C. CHẾ ĐỘ THỐNG KÊ, BÁO CÁO

I. Thống kê, báo cáo

1. Tiến hành tốt việc theo dõi, thu thập thông tin, hệ thống hoá, cập nhật, phân tích, chọn lọc, phổ biến và xử lý tất cả các thông tin có liên quan đến hoạt động kiểm soát nội bộ. Kiểm tra, đối chiếu, so sánh, đánh giá về những ưu khuyết điểm trong quá trình hoạt động của các bộ phận trong Công ty để kịp thời báo cáo Tổng Giám đốc chỉ đạo các biện pháp phát huy thế mạnh, khắc phục và hoàn thiện những sai sót.
2. Thiết lập các biểu mẫu, quy trình, thủ tục thực hiện việc Kiểm soát nội bộ.
3. Tổ chức lưu trữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu của Bộ phận kiểm soát nội bộ.
4. Phối hợp với các Bộ phận liên quan để thực hiện các Quy trình nghiệp vụ.

II. Hình thức báo cáo

Báo cáo được lập định kỳ (hàng quý, 06 tháng, năm). Trong các trường hợp đột xuất về tình hình tuân thủ quy chế của Công ty, Báo cáo đã được thực hiện bằng văn bản hoặc qua báo cáo trực tiếp.

D. THẨM QUYỀN THỰC HIỆN KIỂM SOÁT NỘI BỘ

I. Kiểm soát nội bộ

1. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm thực hiện việc kiểm soát tuân thủ của các phòng ban, cá nhân liên quan trong hoạt động hàng ngày của Công ty.
 2. Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm báo cáo trước Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ của mình, phù hợp với phân công nhiệm vụ của Tổng Giám đốc.
- Bản đánh giá hoạt động kiểm soát nội bộ được lập ngày 31/03/2010 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động của Ban kiểm soát công ty năm 2010 ./.

Báo cáo thường niên của Công ty CP Chứng khoán Việt được lập xong vào ngày 31 tháng 03 năm 2011.

THÀNH PHẦN BAN SOẠN THẢO BÁO CÁO:

- Ông Đặng Thái Nguyên - Tổng giám đốc - Trưởng ban.
- Ông Hoàng Ngọc Hoà - Trưởng ban Kiểm soát - Thành viên.
- Ông Nguyễn Hà Nam - Kế toán Trưởng - Thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT
T/M BAN SOẠN THẢO BÁO CÁO
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG THÁI NGUYÊN

